TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ K** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 18 - 10 - 2018
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trình Văn Út.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Cao Ngọc Thạch.
Bà Lâm Thị Kim Xuyến.
***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Trương Văn Công – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An.

Ngày 18 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 78/2018/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2018/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim Th, sinh năm: 1980; Địa chỉ: Số 830, quốc lộ 62, khu phố 6, Phường 2, thị xã K, tỉnh Long An (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Ngọc Tr, sinh năm: 1975; Địa chỉ: ấp Ông Nhan Tây, xã Bình Hiệp, thị xã K, tỉnh Long An Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 6 năm 2018 của bà Nguyễn Thị Kim Th và những lời trình bày tại phiên tòa như sau:

Vào năm 1999 bà và ông Nguyễn Ngọc Tr tự nguyện tìm hiểu và được gia đình hai bên tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Mộc Hóa, huyện Mộc Hóa (nay là thị xã K), tỉnh Long An vào năm 1999. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc nhưng thời gian sau cách nay hơn 12 năm bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng trong tình cảm, không hòa hợp và mâu thuẫn kéo dài nên đến năm 2007 bà đã về cha mẹ ruột sinh sống và ly thân ông Tr đến nay. Nay bà thấy cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục kéo dài, không xây dựng được gia đình hạnh phúc. Nên yêu cầu được ly hôn với ông Tr.

Về con chung: Bà và ông Tr có 01 con chung tên Nguyễn Quang Tr, sinh năm: 1999; giới tính: nam, đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết tài sản chung và cam kết không có nợ chung.

Bị đơn ông Nguyễn Ngọc Tr vắng mặt nên không có lời khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Bà Th và ông Tr tự nguyện tìm hiểu tình cảm, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, từ đó hai người chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Mộc Hóa, huyện Mộc Hóa (nay là thị xã K), tỉnh Long An, vào sổ đăng ký kết hôn số 47/1999, ngày 02 tháng 8 năm 1999. Nên quan hệ hôn nhân giữa bà Th và ông Tr là hôn nhân hợp pháp. Nay bà Th có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, ông Tr là bị đơn cư trú tại xã Bình Hiệp, thị xã K, tỉnh Long An. Vì vậy, Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 2 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 205, 207, 209 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông Tr vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

[3] Tòa án đã tiến hành tống đạt các thủ tục tố tụng đúng theo quy định pháp luật nhưng ông Tr vắng mặt. Vì vậy, vụ án được đưa ra xét xử vắng mặt ông Tr là đúng theo quy định điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Tại phiên tòa, bà Th cương quyết yêu cầu ly hôn vì cho rằng không còn tình cảm với ông Tr, cuộc sống chung không thể tiếp tục kéo dài, không xây dựng được gia đình hạnh phúc. Hai bên đã ly thân thời gian dài và trong thời gian ly thân ông Tr cũng không có thiện chí để đoàn tụ. Tòa án đã tống đạt thủ tục tố tụng theo đúng quy định nhưng ông Tr vẫn vắng mặt, điều đó thể hiện ông Tr không quan tâm đến cuộc hôn nhân giữa hai người, không mong muốn đoàn tụ để xây dựng gia đình hạnh phúc.

[2] Do đó, xét thấy cuộc sống chung giữa bà Th và ông Tr mâu thuẫn làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Th là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà Th và ông Tr có 01 con chung là cháu Nguyễn Quang Tr, sinh năm: 1999; giới tính: nam, đã trưởng thành. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết tài sản chung và cam kết không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Th phải chịu án phí dân sự đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ông Tr không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 2 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 và các Điều 147, 227, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim Th.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị Kim Th được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc Tr.

Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Kim Th phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0006808 ngày 19 tháng 6 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã K, tỉnh Long An. Bà Nguyễn Thị Kim Th đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bà Th báo cho biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Nguyễn Ngọc Tr vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND thị xã K;
- Chi cục THA-DS thị xã K;
- Các đương sự;
- UBND P2;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trình Văn Út